

Tổ chức không gian làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Organizing the space of Tuong Binh Hiep lacquer craft village, Thu Dau Mot city, Binh Duong province

Cù Thị Ánh Tuyết¹, Lê Tổng Thanh Tuyền², Nguyễn Văn Dũng³

¹Khoa Kiến Trúc, Trường Đại học Thủ Dầu Một

²Công ty TNHH Tư vấn Kiến Trúc – Quy hoạch – Xây dựng An Lạc

³Khoa Xe máy, Trường Sĩ quan Công binh

Tác giả liên hệ: Cù Thị Ánh Tuyết. E-mail: tuyetcta@tdmu.edu.vn

Tóm tắt: Sơn mài không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn có giá trị lịch sử đối với dân tộc Việt Nam. Từ lâu, thành phố Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Bình Dương được coi là thương cảng quan trọng của khu vực phía Nam, tranh sơn mài được mua bán và vận chuyển không chỉ trong nước mà còn ra nước ngoài. Đề tài tập trung tìm hiểu về những khái niệm cũng như tiến trình phát triển lịch sử của làng nghề truyền thống, đặc biệt là nghề sơn mài Tương Bình Hiệp. Thông qua các phương pháp nghiên cứu tìm hiểu về hiện trạng cũng như mô hình tổ chức không gian khu vực làng nghề sơn mài tại phường Tương Bình Hiệp, tỉnh Bình Dương, nhóm nghiên cứu đề xuất giải pháp phân vùng khu vực nghiên cứu thành các khu mang chức năng riêng biệt nhưng không tách rời khỏi tổng thể của một làng nghề sơn mài truyền thống vốn có, góp phần phát triển du lịch làng nghề.

Từ khóa: Bảo tồn; làng sơn mài Tương Bình Hiệp; làng nghề truyền thống; sơn mài; tổ chức không gian

Abstract: Lacquer not only has artistic value but also has historical value for the Vietnamese people. For a long time, Thu Dau Mot city in Binh Duong province has been considered an important trading port of the southern region, where lacquer paintings are bought, sold and transported not only domestically but also abroad. The topic focuses on learning about the concepts as well as the historical development process of traditional craft villages, especially Tuong Binh Hiep lacquer craft. Through research methods to learn about the current status as well as spatial organization models of craft village areas in Tuong Binh Hiep ward, Binh Duong province, the research team proposed a solution to partition the research area into areas with specific functions but not separate from the overall image of a traditional lacquer craft village, contributing to the development of craft village tourism.

Keywords: Conservation; lacquer; space organization; Tuong Binh Hiep lacquer village; Traditional craft village

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống là một đơn vị thôn làng đã và đang làm ra một hoặc một số loại sản phẩm tiêu dùng hay nghệ thuật bằng những phương pháp truyền thống từ lâu đời và nguyên liệu đặc thù ở địa phương, được pháp luật công nhận có đủ các tiêu chí của một làng nghề truyền thống [1]. Khái niệm làng nghề truyền

thống tại Trung Quốc bắt nguồn từ cách hiểu là “làng cổ”, sau đổi tên thành “làng truyền thống”. Còn tại Việt Nam, theo Nghị định về phát triển ngành nghề nông thôn [2] thì làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống (là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền) được hình thành từ lâu đời, được Ủy ban nhân

dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định công nhận. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống: Có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định, và đảm bảo các tiêu chí sau: (a) Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn; (b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (c) Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành [2]. Theo đó, làng truyền thống là những làng được hình thành trước đó và có nguồn tài nguyên truyền thống phong phú, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, xã hội và kinh tế nên đáng được bảo vệ [3]. Làng nghề truyền thống đã thu hút sự chú ý của các học giả từ nhiều lĩnh vực như nhân chủng học, kiến trúc, địa lý và du lịch. Từ thế kỷ 21, nghiên cứu phát triển nhanh chóng, ngày càng phong phú về loại hình, nội dung đa dạng hơn [4].

Ở các vùng nông thôn, sản xuất thủ công mang lại một phương tiện để tự làm chủ, tự cung tự cấp, làm chậm xu hướng di cư thành thị vì khu vực nông thôn có cơ hội kiếm thu nhập phi nông nghiệp. Ở các khu vực thành thị và ven đô, sản xuất thủ công rõ ràng mang lại cơ hội kiếm sống với một kỹ năng chuyên môn cụ thể. Ở những nơi mà “xưởng lao động” đã trở thành phong cách phát triển, sản xuất thủ công vẫn là cơ hội để cá nhân và quốc gia thể hiện sự sáng tạo và văn hóa [5]. Các sản phẩm thủ công được sử dụng trong đời sống hàng ngày của các làng quê, chủ yếu hướng tới tiêu dùng gia đình: vải bông, gốm sứ, nông cụ và thủy lực, hàng mây tre đan, chiếu cói, thực phẩm chế biến và các sản phẩm công nghiệp [6]. Nhiều loại mặt hàng từ các làng nghề có thể được sản xuất nhờ vào sự sẵn có của nhiều loại nguyên liệu thô từ thực vật và động vật [7]. Một số ngôi làng truyền thống đã thúc

đẩy quá trình hồi sinh nông thôn thông qua phát triển du lịch, trong khi những ngôi làng khác đang phải đối mặt với những vấn đề gai góc như suy thoái tự nhiên, trống rỗng, thiếu cơ sở phát triển và phá hủy các công trình cổ [4]. Vì các làng truyền thống có phong cách kiến trúc độc đáo, văn hóa địa phương, nguồn tài nguyên để phát triển du lịch và di sản văn hóa không thể tái tạo của nền văn minh nông nghiệp, nên chúng đại diện cho những nguồn lực và tiềm năng không thể bỏ qua để thúc đẩy chiến lược phục hồi nông thôn [8].

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làng quê Việt Nam nói chung hay làng nghề nói riêng có nhiều thay đổi: Nhiều làng nghề đã biến mất do không còn nhu cầu sử dụng, không còn thị trường; Nhiều làng nghề đứng trước nguy cơ tuyệt chủng do thị trường thu hẹp, nhu cầu của một bộ phận người sử dụng thấp; Các làng nghề vẫn tồn tại và phát triển vì nhu cầu, thị trường vẫn còn nhưng buộc phải thay đổi quy trình sản xuất, thay đổi mô hình cho phù hợp [9]. Theo thống kê của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, cả nước hiện có khoảng hơn 5.400 làng nghề, trong đó có gần 2.000 làng nghề truyền thống. Một trong những nội dung trọng tâm của phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện nay là khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công, làng nghề truyền thống ở nông thôn, góp phần thu hút lao động dư thừa, tạo việc làm, đồng thời tăng thu nhập và từng bước cải thiện đời sống của người dân [10].

Sơn mài

Sơn mài có nguồn gốc từ thời đại đồ đá mới, là một phát minh quan trọng trong công nghệ hóa học và nghệ thuật thủ công ở Trung Quốc cổ đại. Sơn mài thường được sơn màu đỏ son và trang trí bằng màu đen, hoặc sơn màu đen và trang trí bằng màu đỏ son. Sơn mài có thể phân thành nhiều thể loại khác nhau như: sơn

lộng, sơn mài vẽ lặn, vẽ phẳng, vẽ nổi, thếp vàng bạc, sơn mài cần ốc, cần trứng, sơn khắc... Qua thời gian, sơn mài được thay đổi ngày càng phong phú và đa dạng, có sự tìm tòi cả về kỹ thuật cũng như chất liệu. Tại Việt Nam, một số làng nghề sơn mài tiêu biểu như: Làng nghề sơn mài truyền thống Cát Đằng - Nam Định; Làng nghề sơn mài Hạ Thái - Hà Nội; Làng nghề sơn mài truyền thống Trương Bình Hiệp - Bình Dương; Làng nghề sơn mài Bối Khê.

Bảo tồn

Các làng nghề truyền thống đang ngày càng khẳng định sự liên quan của mình trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa. Giá trị của các nghề thủ công được thừa nhận rộng rãi về di sản văn hóa và xứng đáng được chú ý đến các ứng dụng khác nhau của nó trong du lịch. Điều này minh họa vai trò quan trọng của nghề thủ công trong việc bảo tồn di sản truyền thống [11]. Từ lâu, nghề thủ công đã được công nhận về ý nghĩa xã hội, văn hóa và kinh tế [12]. Bất chấp sự thống trị của các sản phẩm công nghiệp trong thế giới đương đại, các sản phẩm truyền thống như hàng thủ công vẫn được ưa chuộng, đặc biệt là đối với khách du lịch [13]. Vì vậy, một trong những động lực tham quan của khách du lịch là quan sát văn hóa, truyền thống, chuẩn mực và giá trị địa phương được thể hiện trong nghề thủ công [14].

Hàng thủ công đại diện cho một nền văn hóa cụ thể của một cộng đồng nhất định tùy thuộc vào nghề thủ công và việc sử dụng vật liệu địa phương. Ví dụ, chúng bao gồm các tác phẩm gốm, thêu, đồ trang sức, dệt may và các tác phẩm thủ công từ vật liệu địa phương (ví dụ: sợi, gỗ, đá, thủy tinh, ngà voi, xương, vỏ sò có sẵn trong khu vực) [15]. Di sản văn hóa quan trọng và độc đáo được lưu giữ trong các nghề thủ công nên chúng được coi là phương tiện để bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa nghệ thuật [16]. Do tầm

quan trọng của hàng thủ công, đặc biệt là trong việc bảo tồn di sản văn hóa, việc tiếp thị các làng thủ công được coi là một cách để phát triển hàng thủ công và nghề thủ công. Do đó bảo tồn di sản văn hóa các làng nghề truyền thống là vô cùng quan trọng.

Lịch sử hình thành nghề sơn mài

Trên thế giới: Sơn mài được các vua chúa, quý tộc sử dụng từ xa xưa để trang trí cung điện, đền chùa, cũng như làm quà tặng cho các quan chức cấp cao với ý nghĩa cao quý, trang trọng. Cách đây hơn 4000 năm, sơn mài xuất hiện lần đầu tiên trên thế giới, nhiều cổ vật được tìm thấy tại các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Miến Điện,... Vào thời kỳ từ năm 1600 - 1046 trước Công Nguyên, người thợ thủ công Trung Quốc đã biết sử dụng sơn mài vào các vật dụng trong đời sống hàng ngày và sau đó đưa màu sắc vào chất liệu này, tạo tính mỹ thuật cao trong từng sản phẩm. Đến thế kỷ thứ V, nghệ thuật sơn mài được truyền bá sang Nhật Bản. Người Nhật Bản đã tận dụng kỹ thuật này để phát triển và tạo thành một nền tảng cho kỹ thuật tác chế trên thế giới. Một trong những kỹ thuật người thợ thủ công Nhật Bản tìm ra là kỹ thuật Makie: dán vàng hoặc bạc lên sơn mài [17].

Tại Việt Nam: Nghệ thuật sơn mài đã xuất hiện tại Việt Nam từ thế kỷ III đến thế kỷ IV trước Công nguyên. Vào thời Đinh (930-950), dân Việt đã biết sử dụng mùn cây sơn để trét thuyền. Lần lượt qua các triều đại Lê, Lý, Trần, nhiều cổ vật, pho tượng gỗ hay đất được sơn son thếp vàng vẫn còn được lưu giữ. Mãi đến đời vua Lê Nhân Tông (1443-1460), Trần Thượng Công mới được tôn là bậc thầy đầu tiên của ngành nghề này. Hiện nay Huế được xem là nơi mà những vết tích và tác phẩm sơn mài còn được bảo lưu một cách quý mô và đầy đủ nhất. Năm 1924, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương được thành lập, do Toàn quyền

Đông Dương Merlin phê chuẩn. Năm 1938, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đã được tổ chức lại và lấy tên là Trường Cao đẳng Mỹ thuật và Nghệ thuật thực hành Đông Dương. Theo đó, nhà trường có 2 ban chính: ban hội họa, điêu khắc và sơn mài và ban kiến trúc. Sơn mài từ một môn học thử nghiệm, sau khoảng 10 năm, đã trở thành một môn học cơ bản tương đương với hội họa và điêu khắc. Năm 1943, Mỹ ném bom Hà Nội, theo chủ trương của Nha học chính Đông Dương các trường phải sơ tán khỏi Hà Nội. Năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đóng cửa trường. Từ Trường Mỹ thuật Đông Dương, kỹ thuật mài sơn nhanh chóng truyền đến các làng sơn cổ truyền từ Bắc vào Nam. Nhiều làng nghề sơn cổ truyền dần chuyển sang làm hàng sơn mài. Từ đây, kỹ thuật mài sơn nhanh chóng truyền đến các làng sơn cổ truyền từ Bắc vào Nam [18].

Tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương: Từ thế kỷ XVIII, nghề sơn (hay còn gọi là nghề sơn mài) ở Tương Bình Hiệp hình thành do lưu dân người Việt từ miền Bắc, miền Trung truyền vào vùng trong quá trình khai hoang, lập ấp. Thuở sơ khai, nghề sơn mài chỉ là nghề sơn, mang tính chất cha truyền con nối, là một bộ phận phụ thuộc của nghề mộc, được dùng sơn phủ bên ngoài để tăng độ bền của vật dụng. Về sau, yếu tố thẩm mỹ được chú trọng và nâng cao, nghề sơn mới tách dần khỏi nghề mộc và trở thành nghề độc lập mang tính chuyên môn cao. Năm 1901, người Pháp cho thành lập trường Bá Nghệ tại Thủ Dầu Một để đào tạo ra một đội ngũ lành nghề nhằm phục vụ nhu cầu thẩm mỹ của họ. Đây là ngôi trường có ban dạy sơn mài đầu tiên ở Việt Nam. Năm 2012, ngôi trường chính thức mang tên Trường Trung cấp Mỹ thuật - Văn hóa Bình Dương. Các nghệ nhân từ lớp học đầu tiên của trường Bá nghệ, sau khi trở

thành thợ Cả, đã lập ra nhiều xưởng sản xuất sơn mài và thu nhận thêm hàng ngàn lao động từ nơi khác đến, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nghề sơn mài ở Tương Bình Hiệp. Một số nghệ nhân khác kinh doanh theo hộ gia đình, cha truyền con nối. Nhiều người trước đây chưa từng làm nghề sơn cũng tham gia làm nghề sơn mài, nhiều cơ sở sơn mài được thành lập mới, quy mô lớn với hàng trăm nhân công. Sau 1975, sơn mài Tương Bình Hiệp phát triển đạt đến thời kỳ vàng son, huy hoàng nhất vào khoảng từ 1980-1990. Qua bàn tay tài hoa, sáng tạo của nghệ nhân sơn mài được lưu truyền từ đời này sang đời khác, trải qua bao thăng trầm làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp đã vang danh khắp cả nước và được công nhận là “Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia” theo Quyết định số 1328/QĐ-BVHTTDL ngày 06/04/2016 [19].

Ngày nay, trải qua quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, những ngành nghề truyền thống nói chung và nghề sơn mài nói riêng đang dần bị mất đi, không còn phát triển như trước. Nguyên nhân do thiếu hụt lao động tay nghề cao, lao động trẻ không có nhiều kinh nghiệm, các xưởng trại và cơ sở nhỏ lẻ không đủ kinh phí để trả cho nhân công. Vì thế người lao động dần chuyển sang các ngành nghề khác mưu sinh, rất ít các cơ sở kinh doanh có thể trụ được và giữ nghề. Các công đoạn sản xuất, chế biến không đồng đều, không có phòng trưng bày chuyên nghiệp. Mặt khác, không có nhiều lớp đào tạo nghề vì số học viên quá ít không đủ kinh phí mở lớp, số khác không có điều kiện để chi trả học phí. Vì thế, làng nghề sơn mài đang thiếu hụt nhân lực nghiêm trọng cũng như nguy cơ dần mai một. Để giải quyết những vấn đề cấp thiết trên, cần thực hiện công tác bảo tồn và phát triển để các làng nghề truyền thống không bị mất đi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định tính: Điền dã

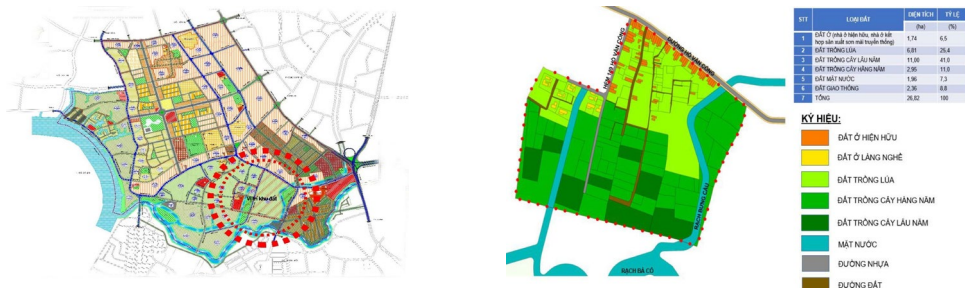
Khảo sát thực địa kết hợp chụp hình, ghi chú thông tin số liệu một cách chi tiết nhằm tiếp cận với đời sống thực của người dân đang diễn ra hàng ngày ở khu vực làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp. Khảo sát thực địa làng nghề này làm tăng tính xác thực nhằm so sánh, đánh giá và đưa ra những phân tích mang tính khoa học và hợp lý. Nghiên cứu các tài liệu đã có về tỉnh Bình Dương, bao gồm: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Đồ án Quy hoạch phân khu phường Tương Bình Hiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Bản đồ Quy hoạch tổng thể giao thông công cộng tỉnh Bình Dương đến năm 2025 tầm nhìn sau năm 2025; Đề án Bảo tồn và phát triển làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp kết hợp với du lịch thuộc địa bàn thành phố Thủ Dầu Một. Từ đó, nhóm tác giả sử dụng những phân

mềm vẽ trên máy tính để tóm lược các nội dung quan trọng dưới dạng sơ đồ nhằm khái quát được nội dung nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hiện trạng

Không gian: Tập trung nghiên cứu tại khu vực làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp, thuộc phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vị trí làng nghề: Làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp nằm phía nam trung tâm phường Tương Bình Hiệp, trải dài qua khu phố 3 và 4. Nhóm nghiên cứu qua quá trình khảo sát đã giới hạn khu đất với quy mô: 26,82 ha (Hình 1), cùng với những hình ảnh hiện trạng về không gian sản xuất và không gian trưng bày tại làng nghề Tương Bình Hiệp (Hình 2), và sơ đồ tổ chức không gian sản xuất sơn mài truyền thống điển hình (Hình 3).

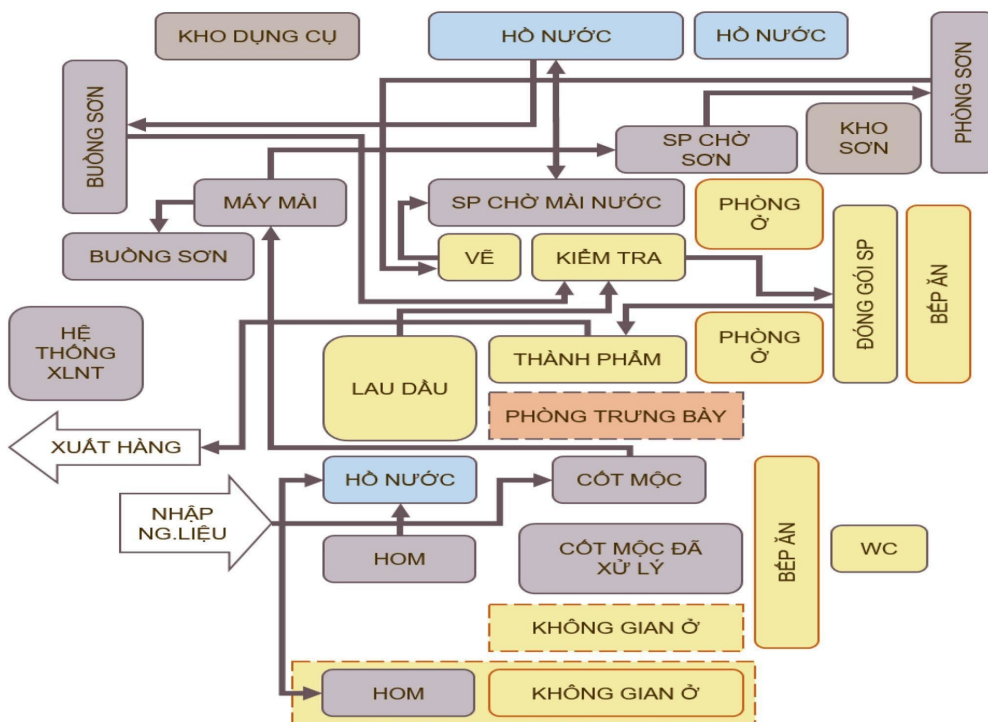


Hình 1. Vị trí và hiện trạng cảnh quan khu vực nghiên cứu

Nguồn: Nhóm tác giả



Hình 2. Hiện trạng khu vực nghiên cứu



Hình 3. Hiện trạng sơ đồ tổ chức không gian sản xuất sơn mài truyền thống điển hình

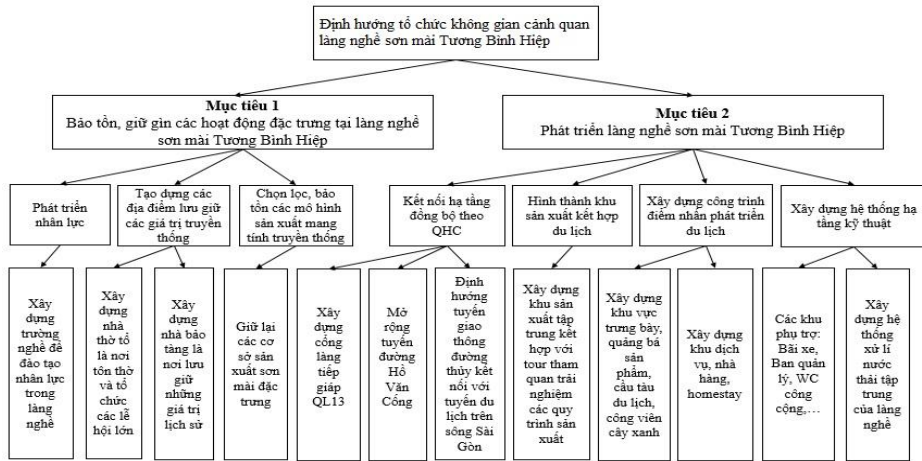
3.2. Định hướng giải pháp tổ chức không gian làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp

Về sử dụng đất: Khai thác hiệu quả giá trị sử dụng đất của khu vực bằng cách tận dụng các giá trị hiện hữu như: các cơ sở làng nghề sơn mài truyền thống, không gian cảnh quan cây xanh mặt nước..., từ đó phát triển du lịch, đáp ứng nhu cầu du khách mà vẫn đảm bảo cho nhu cầu sử dụng đất của người dân khu vực.

Về giao thông: Cần quan tâm đến tính lưu thông trong khu vực và đảm bảo tính kết nối của khu vực dự án đến các khu vực lân cận. Hệ thống giao thông địa phương (giao thông đường bộ, giao thông đường thủy) theo hướng khuyến khích giao thông công cộng, đi bộ và hạn chế giao thông cơ giới. Cần đầu tư hệ thống giao thông chưa hoàn thiện trong khu vực nhằm nâng cao chất lượng trong khu vực. Mở rộng tuyến đường Hồ Văn Cống theo quy hoạch, bố trí cổng làng tại đầu đường

Hồ Văn Cống kết nối với QL 13, để giới thiệu cho du khách được biết đến vị trí của làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp.

Về cảnh quan cây xanh - mặt nước: Là nơi vui chơi giải trí của người dân địa phương và khách du lịch, tạo cảnh quan, không gian thoáng mát nâng cao chất lượng sống và đem lại giá trị cho khu vực. Tăng tính kết khối nổi của các không gian công cộng bởi các trục cảnh quan đặc trưng, nhằm tạo nên tính độc đáo thu hút du khách trong và ngoài khu vực, hình thành các không gian hoạt động cộng đồng nhằm tăng tính gắn kết, chia sẻ cộng đồng. Tận dụng rạch hiện hữu tại khu vực, phát triển bến tàu thu hút du lịch. Kết nối với bến tàu du lịch trên sông Sài Gòn tạo thành một hệ thống du lịch trên sông. Thông qua những nội dung trên, nhóm nghiên cứu tổng hợp thành sơ đồ định hướng tổ chức không gian cảnh quan làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp (Hình 4).



Hình 4. Sơ đồ định hướng tổ chức không gian cảnh quan làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp

Nguồn: Nhóm tác giả

3.3. Giải pháp

Thông qua những phân tích nêu trên, nhóm tác giả đưa ra giải pháp phân vùng các khu vực mang chức năng như sau:

Phân vùng 1: Khu sản xuất

Khu sản xuất sơn mài tập trung (mới): Không gian sản xuất rất quan trọng, là nơi tạo nên bản sắc văn hóa truyền thống của làng nghề. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất: Xây dựng khu sản xuất tập trung, bố trí thành một khu liền kề nhau, cả làng làm nghề thủ công truyền thống chứ không rải rác như hiện nay; Không để các cơ sở đan xen với nhà dân, dẫn đến việc sản xuất làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh, hạn chế ô nhiễm môi trường; Khắc phục được sự bẽ bộn, trong không gian sản xuất, nâng cấp, sắp xếp, bố trí gọn gàng, thuận tiện theo đúng quy trình sản xuất truyền thống của mỗi nghề.

Khu sản xuất theo hộ gia đình truyền thống (bảo tồn): Không gian nhà ở kết hợp với hoạt động sản xuất là nét đặc trưng nổi bật của làng nghề truyền thống, là các không gian cốt lõi để sản xuất ra các sản phẩm truyền thống, đồng thời, cũng là nơi khách du lịch được tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm các làng nghề truyền thống của Bình Dương. Đây là yếu tố quan trọng

cần thiết phải được duy trì và phát triển. Chính vì vậy nhóm nghiên cứu đề xuất giữ lại không gian sản xuất của các cơ sở làm nghề sơn mài truyền thống.

Phân vùng 2: Khu du lịch văn hóa

a) Các công trình văn hóa

Nhà thờ tổ: Nhà thờ tổ là một nét văn hóa của dân tộc về truyền thống uống nước nhớ nguồn. Để ghi công những công hiến to, truyền dạy nghề của ông cha ta để lại, nhóm nghiên cứu đề xuất xây dựng nhà thờ tổ nhằm tưởng nhớ về tổ tiên đã có công tạo ra nghề, truyền nghề, việc giữ nghề là do thế hệ ngày sau gìn giữ. Nhà thờ tổ cũng là nơi diễn ra các lễ hội Cúng Tổ, tổ chức các lễ hội truyền thống liên quan đến nghề.

Khu đón tiếp khách du lịch - trưng bày - trải nghiệm: Khu vực sảnh đón tiếp, mua vé tham quan, hướng dẫn tour du lịch cho du khách. Giới thiệu về quy trình sản xuất, trải nghiệm trở thành nghệ nhân và trưng bày các tác phẩm của chính mình.

Khu quà lưu niệm - kinh doanh: Không những kinh doanh các sản phẩm sơn mài, còn có thể buôn bán các mặt hàng thủ công khác (đan mây tre lá, gốm sứ,...) để đa dạng hóa hàng hóa và nhu cầu của khách du lịch.

Nhà bảo tàng: Để lưu giữ các tài liệu, các cổ vật liên quan đến lịch sử của nghề sơn mài cần được lưu giữ với mục đích giáo dục, học tập nghiên cứu, tìm hiểu về quá khứ, nguồn gốc cũng như quá trình hình thành của nghề sơn mài. Lưu giữ các tác phẩm của các nghệ nhân nổi tiếng thời xưa. Triển lãm các sản phẩm mang tính nghệ thuật cao. Cũng là nơi giao lưu học hỏi kinh nghiệm của những người trong nghề.

b) Khu quản lý - cơ sở đào tạo nghề và thực hành

Ban quản lý: là khối văn phòng quản lý trong khu vực du lịch làng nghề.

Cơ sở đào tạo nghề và thực hành:

Nhằm khắc phục sự thiếu hụt lao động, duy trì, ổn định và phát triển nhân lực phục vụ sản xuất tại làng nghề. Nhóm nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ sở đào tạo nghề. Việc giảng dạy có thể mời những người thầy có tay nghề cao, người có chuyên môn từ trường Mỹ thuật văn hóa Bình Dương về đào tạo. Những người có đam mê với nghệ thuật làm sơn mài hoặc không có điều kiện học tập muốn theo nghề cũng có thể vừa học vừa làm, được trả công theo thành phẩm. Không những người dân địa phương mà người dân từ nơi khác cũng có thể học tập và làm việc.

Khu vệ sinh công cộng: Bố trí nhiều vị trí đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

c) Công trình dịch vụ du lịch

Nhà hàng: Trong khu du lịch lĩnh vực dịch vụ là không thể thiếu, nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Nhóm nghiên cứu đề xuất xây dựng các nhà hàng, quán ăn dân dã, phục vụ các món ăn miền quê, cây nhà lá vườn, các món ăn đặc sản đất Thủ giới thiệu với khách du lịch.

Homestay: Bố trí các homestay, để đáp ứng nhu cầu lưu trú của khách du lịch đến tham quan trải nghiệm.

Phân vùng 3: Cảnh quan ven rạch Bưng Cầu

Không gian quảng trường: Là không gian mở, có thể vui chơi giải trí, chụp hình lưu niệm.

Bến tàu: Bến thuyền đa dạng hóa hình thức du lịch, trải nghiệm trên sông nước bằng thuyền nhỏ, du khách sẽ có những trải nghiệm mới.

Lối dạo cây xanh: Hình thức lối dạo có hoa, có cỏ tạo cảm giác thoải mái dễ chịu.

Phân vùng 4: Khu ở

Nhà ở cải tạo chỉnh trang: Là nhà ở hiện hữu được cải tạo dọc tuyến đường Hồ Văn Cống trong khu dự án. Hình thái kiến trúc nhà được chia làm 2 không gian gồm không gian ở tầng trên và không gian kinh doanh buôn bán ở tầng dưới, với mái ngói, tường được sơn màu sắc hài hòa, không phá vỡ kiến trúc cảnh quan trong khu vực. Khu nhà ở vừa là nơi ở vừa phục vụ cho du lịch, đáp ứng nhu cầu mua bán, lưu trú của khách du lịch.

Công viên trong khu ở: Trong khu vực không có công viên cây xanh, bố trí công viên gần khu ở nhằm tạo cảnh quan, tạo không gian công cộng vui chơi giải trí cho người dân cũng như du khách. Cây trong công viên được trồng gồm cây thân cao tán rộng để tạo bóng mát, cây bụi thấp dọc lối đi bộ và hoa trong các bồn hoa, bố trí các chòi nghỉ chân trong công viên mới mật độ xây dựng 5% (Theo QCVN 01-2021/BXD).

Phân vùng 5: Hạ tầng kỹ thuật

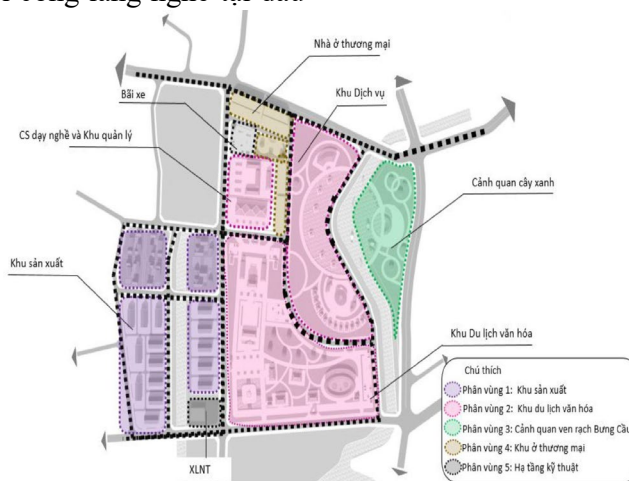
Trạm xử lý nước thải: Bố trí trạm xử lý nước thải gần rạch để thuận tiện thoát ra ngoài sau khi đã xử lý. Giải quyết vấn đề môi trường trong khu vực.

Bãi xe: Tính chất là khu du lịch nên lưu lượng xe nhiều. Bố trí bãi xe công cộng để phục vụ cho các khu xung quanh tránh tình trạng ùn tắc giao thông, không có nơi đỗ xe.

Giao thông: Tổ chức giao thông tiếp cận tốt khiến kết nối các không gian với nhau một cách hiệu quả.

Giao thông tiếp cận chính đường Hồ Văn Cống, nhóm nghiên cứu đề xuất mở rộng theo quy hoạch phân khu lộ giới 28m (5-18-5), đường kết nối với tuyến Quốc lộ 13, đề xuất bố trí cổng làng nghề tại đầu

đường Hồ Văn Cống để quảng bá làng nghề để du khách từ các tỉnh thành lân cận có thể dễ nhận biết vị trí của làng nghề Sơn Mài Tương Bình Hiệp.



Hình 5. Sơ đồ phân vùng chức năng khu làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp

Nguồn: Nhóm tác giả

Việc đưa ra các tiêu chí phân vùng cụ thể cho khu vực nghiên cứu, giúp ta xác định được các phân vùng cụ thể. Với mỗi phân vùng khác nhau, sẽ có được các giá trị cảnh quan khác nhau cũng như đáp ứng từng nhu cầu khác nhau của người dân và du khách. Từ đó có thể đưa ra giải pháp thích hợp nhằm kế thừa các giá trị có sẵn và khắc phục những khó khăn hiện hữu của mỗi phân vùng, phát triển không gian kiến trúc cảnh quan toàn khu vực vừa có tính đồng nhất, vừa có tính linh hoạt về mặt không gian và chức năng sử dụng, hình thành nên một khu du lịch làng nghề sơn mài đặc trưng lâu đời của vùng đất Đông Nam Bộ.

4. Kết luận

Bình Dương có tiềm năng phát triển du lịch lớn, hiện có 63 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, trong đó có: 13 di tích cấp quốc gia và 50 di tích cấp tỉnh, trong số đó có Làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp. Bên cạnh những nỗ lực của chính quyền và các nhà nghiên cứu, quy hoạch đô thị trong việc gìn giữ và phát huy những giá trị lịch sử,

văn hóa của làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp, đồng thời cần khuyến khích người dân địa phương tham gia tích cực vào phát triển và thành lập làng văn hóa dựa vào cộng đồng. Một khi tổ chức và quản lý tốt, không gian làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp sẽ là điểm đến hấp dẫn cho khách du lịch, tạo được công ăn việc làm cho người dân địa phương, khôi phục lại không gian làng nghề hưng thịnh như xưa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thang N. P., Hien N. T. T., Assessment of tourism service quality for traditional craft villages in Da Nang city, Vietnam, *Cogent Social Sciences*, 8(1), 2108636, 2022. DOI: <https://doi.org/10.1080/23311886.2022.2108636>.
- [2] Nghị định số 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn. Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018.
- [3] Sun J. Traditional Village: Theoretical connotation and development path, *Tourism Tribune*, 32(1), 1-3, 2017.
- [4] Zhong J., Wu W., Liu M., Zhang Y., Research on the Tourism Development of Traditional Villages in Leizhou

- Peninsula from H-I-S Perspective: A Case Study of Chaoxi Village in Leizhou City, *Advances in Economics, Business and Management Research, Vol. 203, Proceedings of the 2021 3rd International Conference on Economic Management and Cultural Industry (ICEMCI 2021)*, 2021. DOI: <https://doi.org/10.2991/assehr.k.211209.355>.
- [5] Terry M.E., *The Economic and Social Significance of the Handicraft Industry in Botswana*, 770 p., SOAS, University of London, 1999.
- [6] Fanchette S., The development process of craft and industrial village (CIV) clusters in Ha Tay and Bac Ninh province (Vietnam): from village initiatives to public policies”, *Vietnamese Studies*, 3(165), 5-30, 2007.
- [7] Arfini F., Mancini M.C., Donati M., *Local Agri-food Systems in a Global World: Market, Social and Environmental Challenges*, 278 p., Cambridge Scholars Publishing, 2012.
- [8] Ancuța C., Jucu I.S., Sustainable Rural Development through Local Cultural Heritage Capitalization—Analyzing the Cultural Tourism Potential in Rural Romanian Areas: A Case Study of Hărman Commune of Brașov Region in Romania, *Land*, 12(7), 1297, 2023. DOI: <https://doi.org/10.3390/land12071297>.
- [9] Trung N.S., Van V.H., Educating Traditional Cultural Values in Vietnam Universities. *South Asian Research Journal of Humanities and Social Sciences*, 2(3), 210-214, 2020. DOI: <https://doi.org/10.36346/sarjhs.2020.v02i03.006>.
- [10] Dinh C.T., The change of traditional craft villages under the impact of urbanization: a case study of the northern delta provinces, *Psychology and education*, 58(3), 4513-4522, 2021.
- [11] Bahaa E.R.M., Hammad A.A., Marketing Egyptian crafts villages for preserving the cultural heritage. *International Journal of Heritage, Tourism and Hospitality*, Special Issue, 14(3), 251–269, 2020.
- [12] Pollanen S., The Meaning of Craft. Craft Makers Descriptions of Craft as an Occupation. *Scandinavian Journal of Occupational Therapy*, 20(3), 2012. DOI: <https://doi.org/10.3109/11038128.2012.725182>.
- [13] Zbuche A., Traditional Crafts. A Literature Review Focused on Sustainable Development, *Culture. Society. Economy. Politics*, 2(1), 10-27, 2022. DOI: <https://doi.org/10.2478/csep-2022-0002>.
- [14] Jain R., Thakkar J., Experiencing craft and culture: An emerging cultural sustainable tourism model in India. In U. Stankov et al. (Eds.), Springer, *Cultural Sustainable Tourism. Advances in Science, Technology & Innovation. Springer, Cham*. 29-35, 2019. DOI: https://doi.org/10.1007/978-3-030-10804-5_3.
- [15] Mustafa M., Potential of Sustaining Handicrafts as a Tourism Product in Jordan, *International Journal of Business and Social Science*, 2(2), 145-152, 2011.
- [16] Schwarz, M. and Yair, K., *Making Value: Craft and the Economic and Social Contribution of Makers*, 122 p., Crafts Council, London UK, 2010.
- [17] Le T.H., Traditional lacquer painting as the cradle of Vietnamese lacquer art of painting, *Universum: Philology and Art Studies*, 9(99), 31-34, 2022. DOI: <https://doi.org/10.32743/UniPhil.2022.99.9.14198>.
- [18] *Lịch sử sơn mài truyền thống Việt Nam*. Nguồn internet: <https://shorturl.at/AMTY2>, 2017.
- [19] B.T.H., Làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp (thị xã Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương), *Tạp chí Thông tin Mỹ thuật*, số 13-14, 2004.

Ngày nhận bài: 06/11/2023

Ngày hoàn thành sửa bài: 10/12/2023

Ngày chấp nhận đăng: 13/12/2023